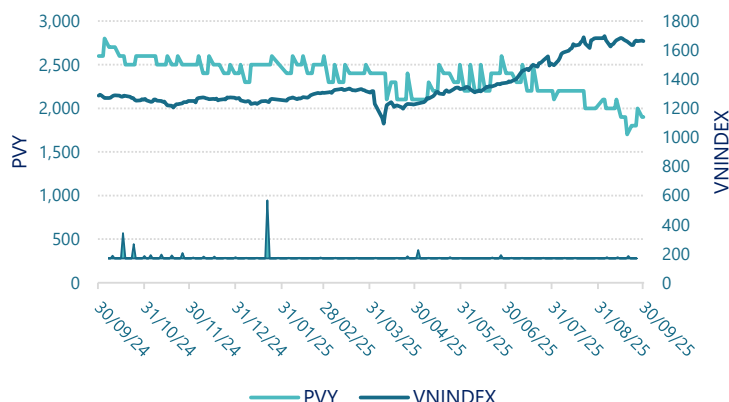


CTCP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (UPCOM: PVY)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	1,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	59,489,787
KLGD BQ 20 phiên (CP)	18,710
% sở hữu nước ngoài	0.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	113
P/E	-13.8
EPS	-138

DT thuần

Q3/25

245

tỷ VNĐ

QoQ: ▼264 | -51.9%

YoY: ▲ 64.0 | 35.3%

LN sau thuế

Q3/25

1.47

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.38 | 1531%

YoY: ▲ 0.31 | 26.5%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

7.2%

+/- YoY: ▼ 1.5%

DT thuần

9T 2025

1,021

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 243 | 31.3%

LN sau thuế

9T 2025

-0.91

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.54 | -112%

ROE

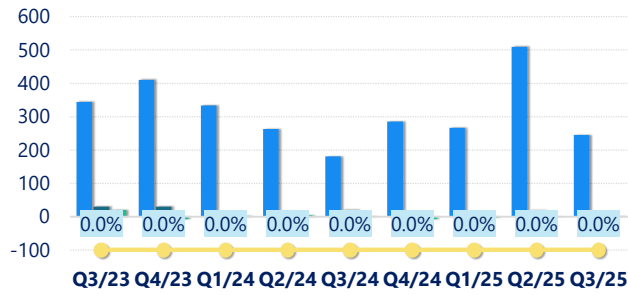
Q3/25

1.8%

+/- YoY: ▲ 2.0%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

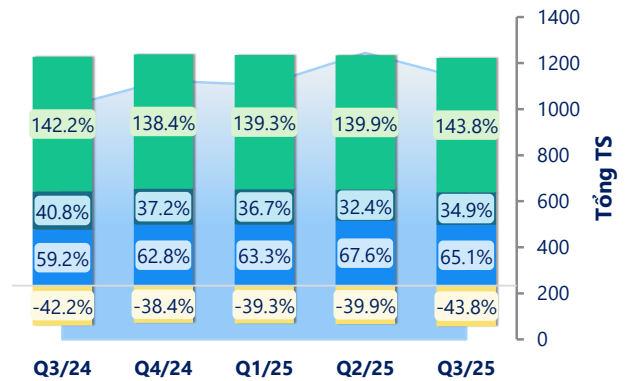


Doanh thu thuần
 Lợi nhuận gộp
 Lợi nhuận sau thuế
 Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

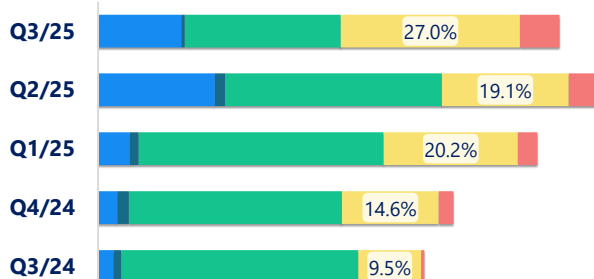
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
 Tài sản ngắn hạn
 Tài sản dài hạn
 Nợ phải trả
 Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

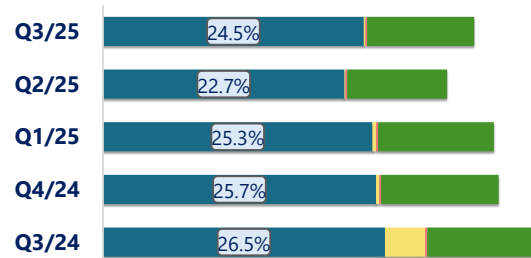
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
 Đầu tư TC ngắn hạn
 Phải thu ngắn hạn
 Hàng tồn kho
 TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

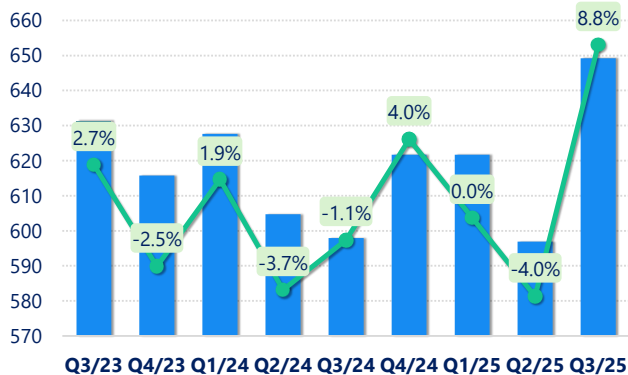


Phải thu dài hạn
 Tài sản cố định
 Bất động sản đầu tư
 Tài sản dài hạn khác
 Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

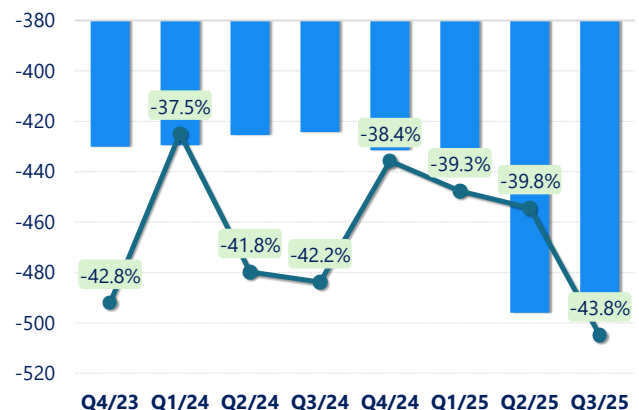


Vay và nợ thuê ngắn hạn
 Vay và nợ thuê dài hạn
 Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

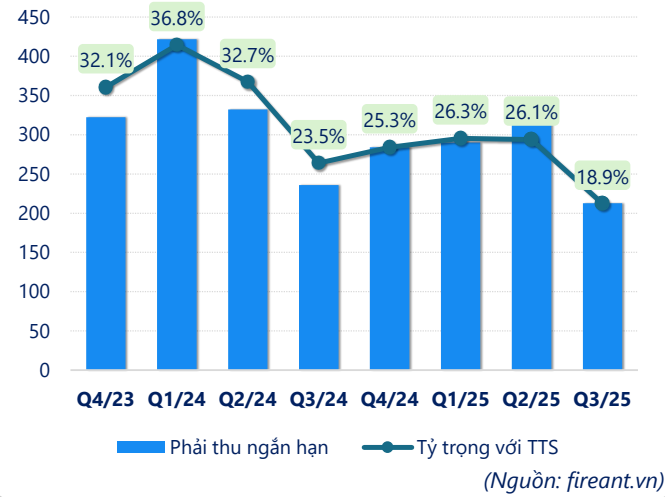
Vốn chủ sở hữu



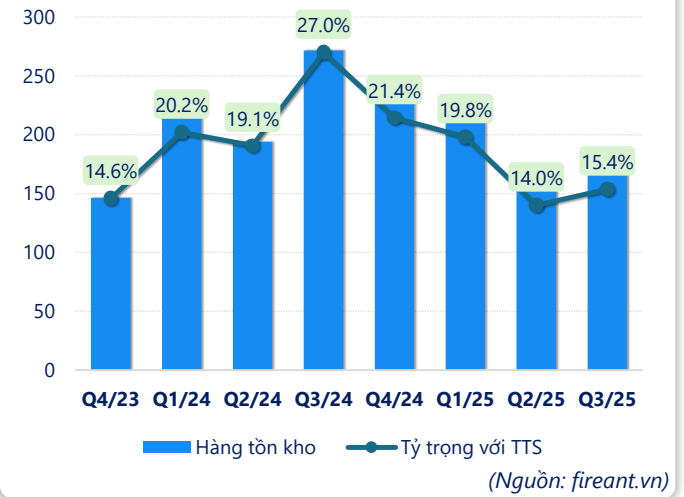
Vốn chủ sở hữu
 Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

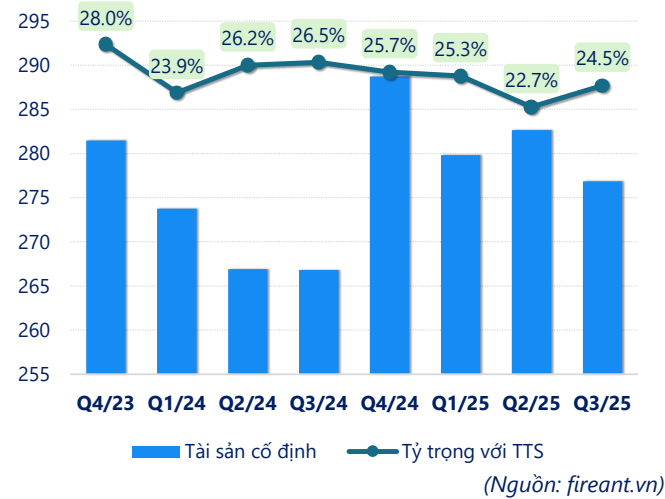
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


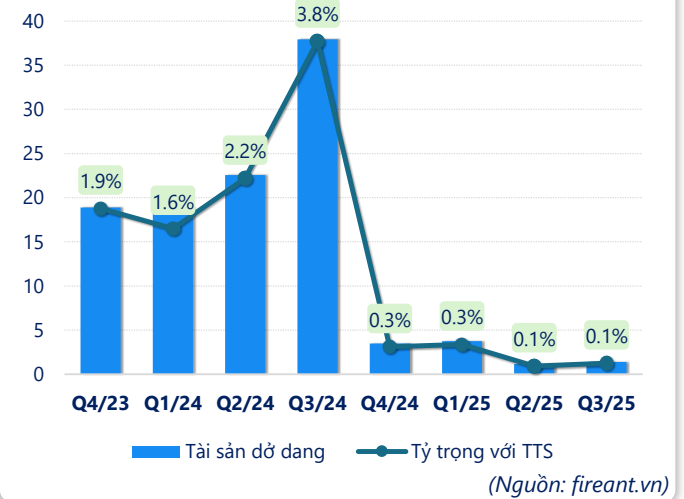
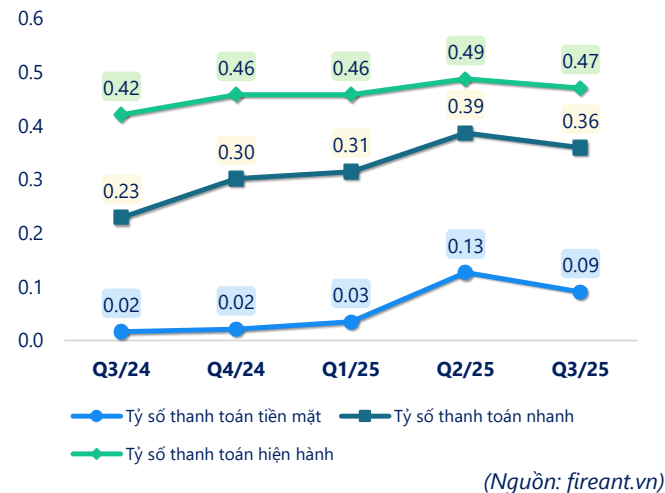
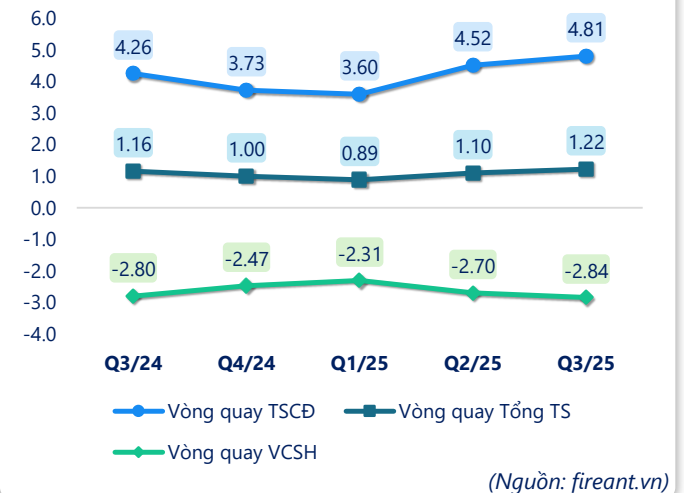
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	1,006	1,124	1,104	1,245	1,128
Tài sản ngắn hạn	596	706	698	842	735
Tiền và tương đương tiền	23.2	32.2	52.9	219	141
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.25	51.7	53.1	28.1	121
Phải thu ngắn hạn	236	284	290	325	213
Hàng tồn kho	272	241	219	174	173
Tài sản ngắn hạn khác	59.9	97.2	83.7	95.5	85.8
Tài sản dài hạn	410	418	406	403	394
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	267	289	280	283	277
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	37.9	3.48	3.74	1.15	1.40
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	2.00	2.00	2.00
Tài sản dài hạn khác	104	124	120	117	114
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,431	1,556	1,539	1,741	1,623
Nợ ngắn hạn	1,417	1,542	1,525	1,727	1,562
Vay và nợ thuê ngắn hạn	598	622	622	597	649
Phải trả người bán ngắn hạn	348	381	327	377	253
Nợ dài hạn	13.8	13.7	13.7	13.7	61.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	-424	-432	-434	-496	-495
Vốn chủ sở hữu	-424	-432	-434	-496	-494
Vốn điều lệ	595	595	595	595	595
Kinh phí và quỹ khác	-0.05	-0.05	-0.05	-0.05	-0.05

(Nguồn: fireant.vn)